TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 01/2022/QĐST-DS	An Khê, ngày 22 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Bùi Thị Bích Thảo.

- *Thư ký phiên họp:* Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên họp:* Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 40/2022/TLST-VDS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc *"Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân"*, theo Quyết định mở phiên họp số 13/2022/QĐST-VDS ngày 30/3/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Huỳnh Võ Thanh U, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn AT3, xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Huỳnh Thanh B, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn AT3, xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

2. Chị Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn AT3, xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

3. Ủy ban nhân dân xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Lê T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã SA, theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 15/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã SA; anh T có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Huỳnh Võ Thanh U trình bày: Chị U là con của anh Huỳnh Thanh B và chị Võ Thị Mỹ T. Anh B sinh ngày 01/01/1977, chị T sinh ngày 20/10/1982, đều cư trú tại thôn AT3, xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vào ngày 14/6/1999 anh B và chị T kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SA, huyện An Khê (nay là thị xã A), tỉnh Gia Lai. Khi kết hôn chị T đã vi phạm điều kiện về tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Ngoài ra anh B và chị T không vi phạm điều kiện kết hôn

nào khác. Nay chị U yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh B và chị T để làm căn cứ cho các cơ quan đăng ký hộ tịch cải chính thông tin cá nhân của anh B, chị T theo quy định của pháp luật.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thanh B và chị Võ Thị Mỹ T đều trình bày: Vào ngày 14/6/1999 anh B và chị T kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SA. Chị T sinh ngày 20/10/1982, do vào thời điểm đăng ký kết hôn chị T chưa đủ tuổi kết hôn nên cán bộ hộ tịch đã điều chỉnh ngày tháng năm sinh của chị T trong Giấy chứng nhận kết hôn và cấp cho anh chị 02 Giấy chứng nhận kết hôn cùng số 20, Quyển số 01. Trong đó một Giấy chứng nhận kết hôn ghi chị T, sinh ngày 20/8/1981 và ghi ngày đăng ký kết hôn là ngày 14/8/1999; một Giấy chứng nhận kết hôn ghi chị T, sinh ngày 20/8/1982 và ghi ngày đăng ký kết hôn là ngày 14/6/1999. Ngoài vi phạm điều kiện về tuổi kết hôn thì anh B, chị T không có vi phạm điều kiện kết hôn nào khác. Hiện nay anh B và chị T vẫn chung sống hạnh phúc và mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm anh chị đủ tuổi kết hôn để làm căn cứ cho cơ quan đăng ký hộ tịch cải chính thông tin cá nhân của anh chị theo quy định.

3. Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã SA trình bày: Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1999 cho anh Huỳnh Thanh B và chị Võ Thị Mỹ T hiện không còn lưu trữ. Tuy nhiên theo hai Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã SA chứng nhận và đối chiếu với ngày tháng năm sinh của chị T trong giấy khai sinh thì thời điểm chứng nhận kết hôn chị T chưa đủ tuổi kết hôn. Do vậy Ủy ban nhân dân xã SA đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của công dân theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm mở phiên họp Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật, các đương sự chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng giải quyết việc dân sự. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên họp, đề nghị:

- Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Huỳnh Võ Thanh U về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Huỳnh Thanh B và chị Võ Thị Mỹ T kể từ ngày 14/6/1999 đến ngày 19/10/2000.

- Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Huỳnh Thanh B và chị Võ Thị Mỹ T, công nhận quan hệ hôn nhân của anh Huỳnh Thanh B và chị Võ Thị Mỹ T kể từ ngày 20/10/2000 (thời điểm anh B, chị T đủ điều kiện về tuổi kết hôn)

- Đề nghị tuyên về lệ phí giải quyết việc dân sự và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã A nhận định:

[1] Chị Huỳnh Võ Thanh U yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Huỳnh Thanh B và chị Võ Thị Mỹ T theo chứng nhận kết hôn đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh Huỳnh Thanh Bình và chị Võ Thị Mỹ T yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị T kể từ thời điểm đủ tuổi kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là việc dân sự *"Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Kèm theo đơn yêu cầu người yêu cầu đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau: 02 Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01, trong đó một giấy Ủy ban nhân dân xã SA chứng nhận ngày 14/8/1999 và một giấy chứng nhận ngày 14/6/1999; bản sao Giấy khai sinh anh Huỳnh Thanh B, bản sao Giấy khai sinh chị Võ Thị Mỹ T; bản sao Giấy khai sinh chị Huỳnh Võ Thanh U; bản sao Căn cước công dân của anh B, chị T.

Theo Giấy khai sinh, Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu đều xác định chị Võ Thị Mỹ T sinh ngày 20/10/1982. Như vậy vào ngày 14/6/1999 chị T 16 tuổi 07 tháng 26 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 *("nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn"*). Do vậy chị U, là con của anh B và chị T, có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh B và chị T theo chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã SA vào năm 1999 là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; điểm a khoản 2 Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần được chấp nhận. Hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh B và chị T từ ngày 14/6/1999 đến ngày 19/10/2000.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Hiện nay anh B và chị T đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và đều có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của họ. Do vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh B, chị T, công nhận quan hệ hôn nhân của anh B và chị T kể từ thời điểm các bên có đủ điều kiện về tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là ngày 20/10/2000.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, người yêu cầu chị Huỳnh Võ Thanh U không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm. Anh B và chị T phải liên đới chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 1 Điều 8; điểm a khoản 2 Điều 10; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

1. Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Huỳnh Võ Thanh U, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Huỳnh Thanh B và chị Võ Thị Mỹ T kể từ ngày 14/6/1999 đến ngày 19/10/2000.

2. Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Huỳnh Thanh B và chị Võ Thị Mỹ T, công nhận quan hệ hôn nhân của anh Huỳnh Thanh B và chị Võ Thị Mỹ T kể từ thời điểm cả anh B và chị T đủ điều kiện về tuổikết hôn là ngày 20/10/2000.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Chị Huỳnh Võ Thanh U không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Anh Huỳnh Thanh B và chị Võ Thị Mỹ T phải liên đới chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã A có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã SA (để ghi vào sổ hộ tịch;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo